HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN
TRUNG TÂM GDNN, ĐTLX, NN, TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỌC VIÊN THAM GIA KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN LÝ THUYẾT KHÓA BK370 VÀ TỒN HẠNG B NGÀY 18/11/2026

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa	Ghi chú
1	1	BÙI TUẤN ANH	07/10/1999	BK370	
2	2	CHU TUẤN ANH	04/09/2001	BK370	
3	3	ĐẶNG TUẤN ANH	06/09/2001	BK370	
4	4	NGUYỄN HOÀNG ANH	26/10/2007	BK370	
5	5	TẠ QUANG CHIẾN	16/03/1994	BK370	
6	6	BÙI CÔNG CHUẨN	15/06/2002	BK370	
7	7	NGUYỄN DUY ĐẠI	24/07/2006	BK370	
8	8	LÊ NGỌC ĐĂNG	16/06/2004	BK370	
9	9	VŨ HẢI ĐĂNG	10/08/2008	BK370	
10	10	BÙI VĂN ĐỊNH	21/05/1985	BK370	
11	11	ĐINH VĂN ĐÔNG	03/01/1994	BK370	
12	12	PHẠM CHUNG ĐÔNG	05/09/2003	BK370	
13	13	NGUYỄN ANH ĐỨC	19/02/2005	BK370	
14	14	NGUYỄN DUY ĐỨC	10/11/2000	BK370	
15	15	VŨ DUY TIẾN DŨNG	10/04/2002	BK370	
16	16	HÀ ĐỨC DƯƠNG	25/02/2006	BK370	
17	17	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	02/10/2002	BK370	
18	18	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	29/04/2004	BK370	
19	19	NGUYỄN QUANG HẢI	03/01/2007	BK370	

20	20	ĐÀO QUANG HÂN	15/06/1978	BK370	
21	21	LÊ MINH HOÀN	17/02/1994	BK370	
22	22	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	03/12/1998	BK370	
23	23	TRẦN ĐÌNH HÙNG	12/09/1989	BK370	
24	24	HOÀNG NAM HƯNG	24/05/2006	BK370	
25	25	NGUYỄN DUY HƯNG	24/08/2004	BK370	
26	26	NGUYỄN ĐỨC HUY	19/08/2007	BK370	
27	27	HÀ VĨNH KHANG	23/03/2004	BK370	
28	28	NGUYỄN ĐẮC KHÁNH	16/03/1991	BK370	
29	29	TRỊNH QUỐC KHÁNH	01/09/2004	BK370	
30	30	THÂN DIỆU LINH	05/03/2007	BK370	
31	31	NGUYỄN HOÀNG LONG	17/12/2001	BK370	
32	32	PHẠM THÀNH LONG	09/03/1996	BK370	
33	33	PHẠM THỊ LÝ	22/12/1989	BK370	
34	34	HOÀNG DUY MẠNH	12/02/2008	BK370	
35	35	DƯƠNG NHẬT MINH	27/12/2004	BK370	
36	36	NGUYỄN TRÍ MINH	28/08/2001	BK370	
37	37	NGUYỄN TUẤN MINH	19/07/2007	BK370	
38	38	PHÙNG NGỌC MINH	16/05/2008	BK370	
39	39	TRẦN ĐỨC MINH	10/04/2006	BK370	
40	40	LÊ VĂN NAM	16/07/1996	BK370	
41	41	TRẦN DUY NAM	16/12/2006	BK370	
42	42	ĐỖ XUÂN NGHĨA	25/08/1998	BK370	
43	43	NGUYỄN SỸ NGHĨA	13/10/1997	BK370	
44	44	NGUYỄN BẢO NGỌC	23/05/2003	BK370	

45	45	NGUYỄN LƯƠNG BẢO NGỌC	16/08/2008	BK370	
46	46	NGUYỄN THỊ NGỌC	05/04/2004	BK370	
47	47	BÙI CHÍNH NGUYÊN	09/07/2004	BK370	
48	48	NGUYỄN PHÚC NGUYÊN	06/11/1999	BK370	
49	49	NGUYỄN TRÍ NGUYÊN	18/10/2005	BK370	
50	50	TẠ ĐÌNH KHÔI NGUYÊN	09/07/2005	BK370	
51	51	NGÔ QUANG NHẬT	09/09/2006	BK370	
52	52	LÊ THỊ TỐ NHI	12/01/1998	BK370	
53	53	PHẠM ANH PHÁP	06/07/2002	BK370	
54	54	PHẠM LƯƠNG PHÚ	16/04/2008	BK370	
55	55	BÙI MINH PHÚC	25/07/1997	BK370	
56	56	LÊ ĐẠI PHÚC	29/01/2002	BK370	
57	57	NGUYỄN VĂN SANG	04/04/2003	BK370	
58	58	DƯƠNG VĂN SƠN	15/11/1988	BK370	
59	59	LÊ THANH TÂM	03/04/2002	BK370	
60	60	BÙI VĂN THẮNG	11/08/2007	BK370	
61	61	NGUYỄN BÁ THÀNH	23/12/1999	BK370	
62	62	KIỀU VĂN THỌ	23/09/1985	BK370	
63	63	NGUYỄN VĂN THU	21/11/1987	BK370	
64	64	TRẦN XUÂN THỦY	31/10/1976	BK370	
65	65	NGUYỄN THỊ THU TRANG	14/09/2001	BK370	
66	66	ĐẶNG VĂN TRUNG	01/08/2003	BK370	
67	67	NGUYỄN MINH TUẤN	20/03/2008	BK370	
68	68	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	20/07/2005	BK370	
69	69	MAI KHÁNH VÂN	19/03/2008	BK370	

70	70	LÊ TUẤN VIỆT	31/01/2008	BK370	
71	71	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	13/06/2008	BK370	
72	72	NGUYỄN THÀNH VINH	06/10/2000	BK370	
73	73	NGUYỄN VĂN HIẾU	06/12/2000	**BK369**	
74	74	NGUYỄN THẢO MY	10/11/2007	**BK367**	

(Danh sách bao gồm: 74 thí sinh)

Ghi chú: Học viên có thông tin phản hồi, xin vui lòng liên hệ Đ/c Trà Mi – 0913025649./.